

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
NAM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HSST

Ngày: 23/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Bà Võ Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 175/2017/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Thu Đ** (tên thường gọi là Đ nước đá); Sinh năm: 1964; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh T (chết) và bà: Huỳnh Thị N (chết); Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Mộng Ng và con: Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

Nhân thân: - Ngày 25/8/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội « Đánh bạc » (Bản án số: 1498/HSST); - Ngày 02/02/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội « Tổ chức đánh bạc ». Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của Bản án số: 1498/HSST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 năm tù (Bản án số: 212/2005/HSST).

(có mặt)

2. **Trịnh Tấn P** (tên thường gọi là BN); Sinh năm: 1988; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 194/5 đường ĐNT, Phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ

Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Thu Đ và bà: Nguyễn Thanh T; Có vợ: Là bà Lê Thị Thanh T và con: Có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

(có mặt)

3. **Hà Minh Th** (tên thường gọi là Nh); Sinh năm: 1987; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Đức V và bà: Huỳnh Mỹ K; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

Nhân thân: - Ngày 04/7/2008, bị Công an Phường 11, Quận 6 xử phạt 350.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số: 0033236/QĐ-XPHC); - Ngày 03/7/2008, bị Công an Quận 6 xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc (Quyết định số: 0033155/QĐ-XPHC).

(có mặt)

4. **Hà Thuận Tr** (tên thường gọi là Tn); Sinh năm: 1985; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Đức V và bà: Huỳnh Mỹ K; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

(có mặt)

5. **Nguyễn Hoàng Kim Ng**; Sinh năm: 1993; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 131/36 đường TT, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thế T và bà: Nguyễn Hoàng P; Có chồng: Là ông Huỳnh Thái N và con: Có 01 người con, sinh năm 2011; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

(có mặt)

6. **Nguyễn Thanh N** (tên thường gọi là MB); Sinh năm: 1994; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 101/51 đường PĐH, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn A T và bà: Nguyễn Thị H; Mẹ nuôi: Bà Nguyễn Thị Bông; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 30/6/2016.

(có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Trần T1; Sinh năm: 1975; Thường trú: Ấp D, xã VL B, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H; Sinh năm: 1988; Trú tại: 121 đường 100 BT, Phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
3. Bà Lâm Ngọc T; Sinh năm: 1979; Trú tại: 297/38 đường HG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thị Trúc L; Sinh năm: 1979; Trú tại: 187/56 đường NSHL, Phường J, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
5. Ông Hà Đức V; Sinh năm: 1961; Trú tại: 753/1/1 đường LG, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
6. Bà Nguyễn Thị Thanh L; Sinh năm: Không rõ; Thường trú: 285/23A3 đường CMTT, Phường L, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
7. Ông Trần Linh X; Sinh năm: 1964; Trú tại: 169/17 đường GP, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
8. Ông Trương Vĩ H; Sinh năm: 1983; Trú tại: 9 đường NNT, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
9. Ông Châu Vĩnh L; Sinh năm: Không rõ; Trú tại: 49/17 đường PCĐ, Phường L, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
10. Ông Lưu Kiến T; Sinh năm: 1985; Trú tại: 490/6 đường PVC, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
11. Bà Lê Thị Thanh T; Sinh năm: 1989; Thường trú: 21/2 đường LL, Phường D, thành phố Vũng Tàu; Chỗ ở: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
12. Ông Trương Phú B; Sinh năm: Không rõ; Trú tại: L36/10 đường CXPL A, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
13. Ông Nguyễn Tấn S; Sinh năm: 1994; Trú tại: 60 đường NPT, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
14. Bà Nguyễn Thị Huỳnh T; Sinh năm: 1985; Trú tại: 169/17 đường GP, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

15. Bà Nguyễn Thị Mộng Ni; Sinh năm: 1981; Thường trú: 743/54 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 184/12^E đường LDC, phường BTrĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

16. Ông Nguyễn Thanh P; Sinh năm: 1958; Trú tại: 723/3 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

17. Ông Nguyễn Thành T; Sinh năm: 1987; Trú tại: 723/3 đường HB, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

18. Bà Trần Thị Thu S (H); Sinh năm: 1987; Trú tại: 907/40 đường LG, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

19. Bà Bùi Thị Kim S; Sinh năm: 1990; Thường trú: 296 ấp TH, xã TH, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: 1/10/5 KP3, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 30/6/2016, tại trước nhà sách Cây Gõ - số 146 đường MP, Phường F, Quận F, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 6 bắt quả tang Nguyễn Thanh N đang bán cho Trần T1 01 bịch ma túy tổng hợp và đã thu giữ tại chỗ bịch ma túy này. Ngoài ra, còn thu giữ của Nguyễn Thanh N 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 01 chiếc xe gắn máy biển số 59K1-764.89 và số tiền 1.300.000 đồng, sau đó đã giao Nguyễn Thanh N, Trần T1 cùng vật chứng nêu trên cho Công an Phường F, Quận F giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Nguyễn Thanh N khai: Nguyễn Thanh N và Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng là người phụ bán ma túy cho Hà Minh Th tại nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F.

Từ lời khai của Nguyễn Thanh N, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F thì phát hiện Nguyễn Hoàng Kim Ng đang bán cho Lý Cường 01 bịch ma túy đá giá 200.000 đồng tại trước cửa nhà này. Còn tại sảnh lầu 1 thì Trịnh Thu Đ đang tổ chức cho Hà Minh Th, Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H sử dụng ma túy tổng hợp và đã thu giữ tại chỗ của Trịnh Thu Đ 01 bịch nylon bên trong chứa tinh thể rắn không màu (Đ khai là ma túy đá), 01 bịch nylon chứa cành, lá, hạt cây khô, 04 điều thuốc hiệu “Jet” chứa cành, lá, hạt cây khô (Đ khai là Cỏ Mỹ), 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, 01 chiếc xe gắn máy biển số 51H4-2503 và số tiền 440.000 đồng. Thu giữ trong phòng của Đ 29 bịch nylon chứa tinh

thể không màu; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 08 bịch nylon chứa cành, lá, hạt cây khô; 04 viên nén tròn màu hồng. Thu giữ của Hà Minh Th 06 bịch nylon chứa tinh thể không màu, 01 bịch nylon chứa chất bột màu trắng, 01 cân điện tử, một số dụng cụ dùng để phân ma túy đá, 01 cây giữ 03 khúc bằng kim loại, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Hà Minh Th, 01 chiếc xe gắn máy biển số 59T1-2428 và số tiền 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, Công an còn tạm giữ các đối tượng có mặt tại chỗ là Hà Thuận Tr, Trịnh Tấn P và thu giữ của Tr 02 bịch nylon chứa tinh thể không màu, 01 cân điện tử và 01 bộ dụng cụ gồm: 02 cây kéo và một số bịch có rãnh âm dương để phân chia ma túy đá, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 02 bình nhựa có gắn nỏ thủy tinh, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, 01 chiếc xe gắn máy biển số 51U1-2243 và số tiền 600.000 đồng. Thu giữ của P 01 chiếc xe gắn máy biển số 59S1-38909, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Tấn P, 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng và số tiền 6.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P khai: Nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F hiện do cha con Đ và hai người cháu ở. Đ và vợ chồng Trịnh Tấn P (con Đ) ở tại tầng 1, còn Hà Minh Th, Hà Thuận Tr (cháu Đ) ở tại tầng trệt. Do nghiện ma túy tổng hợp nên để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, từ tháng 3/2016, Đ bắt đầu mua bán ma túy tổng hợp. Địa điểm mua bán là tại tầng 1 nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F. Cứ khoảng 02 tuần, Đ mua ma túy của những người tên Kh, tên N1, tên T2, tên Pg (không rõ lai lịch) ở Quận 8 hoặc quận Bình Tân một lần và mỗi lần mua với giá từ 4.000.000 đồng đến 4.500.000 đồng. Sau đó, Đ đem về nhà cùng Trịnh Tấn P phân lẻ ra nhiều bịch nhỏ để bán với giá từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng/bịch. Còn Trịnh Tấn P ngoài việc giúp Trịnh Thu Đ phân lẻ ma túy để bán cho người nghiện, P còn trực tiếp bán ma túy cho Nguyễn Tấn S và tính đến ngày bị bắt, P đã bán ma túy cho Nguyễn Tấn S tổng cộng 08 lần, mỗi lần là 01 bịch ma túy đá giá 400.000 đồng. Về nguồn gốc ma túy bán cho Nguyễn Tấn S là P lấy của Trịnh Thu Đ.

Qua điều tra, Nguyễn Tấn S xác nhận đã mua ma túy đá của Trịnh Tấn P tổng cộng 08 lần và mỗi lần mua đều là 01 bịch ma túy giá 400.000 đồng.

Ngoài hành vi mua bán ma túy, Trịnh Thu Đ còn tổ chức cho người nghiện sử dụng ma túy tại sảnh tầng 1 nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F. Cụ thể: Khoảng 18 giờ ngày 30/6/2016, Lâm Ngọc T, Trương Vĩ H, Nguyễn Tấn S, Bùi Thị Kim S, Hà Minh Th cùng ngồi ăn nhậu tại sảnh tầng 1 đến khoảng 21 giờ thì Trần Thị Thu S, Trịnh Thu Đ ra ngồi chung và Đ lấy ra 01 bịch ma túy đá, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy để mọi người hút. Sau đó, Đức điện thoại rủ Nguyễn Thành T đến cùng tham gia, một lúc sau Nguyễn Thành T đến, Đức liền vào phòng lấy thêm 01 bịch Cỏ Mỹ để cho Nguyễn Thành T hút. Mọi người hút được khoảng 2, 3 lượt đến khoảng 23 giờ 30 phút

cùng ngày thì bị phát hiện bắt giữ như nêu trên. Ngoài ra, Đ còn khai đã nhiều lần tổ chức cho nhiều người sử dụng ma túy. Khi các con nghiện đến mua ma túy của Đ, nếu có nhu cầu sử dụng ngay, Đ sẽ đưa bộ dụng cụ sử dụng ma túy để họ sử dụng tại sảnh lầu 1.

Hà Minh Th, Nguyễn Thanh N, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Hà Thuận T khai:

Hà Minh Th bắt đầu bán ma túy tổng hợp (ma túy đá) vào khoảng tháng 3/2016. Về nguồn gốc ma túy, Th khai mua của một người tên KH (không rõ lai lịch) ở Quận 10. Khoảng 20 ngày, Th mua ma túy của KH một lần với giá 12.000.000 đồng rồi mang về nhà phân lẻ ra thành nhiều bịch với nhiều loại giá khác nhau để bán cho các con nghiện kiếm lời và nếu bán hết số ma túy này, Th thu lợi khoảng 4.000.000 đồng.

Nguyễn Thanh N, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Hà Thuận Tr là những người phụ giúp Th bán ma túy. Ngoài tiền công, tiền sinh hoạt hàng ngày, N, Ng, Tr còn được Th cho ma túy để sử dụng. Mỗi ngày, Th đưa cho Ng và Tr 06 bịch ma túy đá có các loại giá khác nhau để bán. Còn N, ngoài việc giúp Th phân ma túy, còn đi bán ma túy cho người nghiện theo yêu cầu của Th.

Khoảng 12 giờ ngày 30/6/2016, Trần T1 đến gặp Th tại nhà số 743/54 đường HB, Phường F Quận F mua 01 bịch ma túy đá giá 350.000 đồng. Đến 16 giờ cùng ngày, Trần T1 điện thoại cho Th hỏi mua thêm 01 bịch ma túy đá giá 1.000.000 đồng, Th liền kêu Ng đem bịch ma túy đến điểm hẹn tại trước nhà sách Cây Gõ, Phường I, Quận F bán cho Trần T1. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trần T1 điện thoại cho Th hỏi mua tiếp 01 bịch ma túy đá giá 1.000.000 đồng và cũng hẹn địa điểm tại trước nhà sách Cây Gõ. Do không có sẵn ma túy nên Th điện thoại kêu Nguyễn Thanh N hỏi mượn của Trịnh Tấn P. Nam gặp Lê Thị Thanh T (vợ của P) hỏi mượn 01 bịch ma túy, nhưng Lê Thị Thanh T nói không biết. N lên lầu tìm thì thấy có 02 bịch ma túy để trong tủ sắt ở sảnh phía sau lầu 1 nên lấy gom lại thành 01 bịch rồi đem đến nhà sách Cây Gõ bán cho Trần T1 thì bị bắt giữ như nêu trên.

Ngoài ra, Ng, Tr và Lý C còn khai ngoài lần bị phát hiện bắt giữ, trước đó Ng và T đã nhiều lần bán ma túy đá cho Lý C. Cụ thể, cách ngày bị bắt khoảng 04 ngày, Lý C đến nhà mua của Ng 01 bịch ma túy với giá 200.000 đồng. Khoảng 20 giờ ngày 28/6/2016, Tr chở ến tiệm game bắn cá Thiên Mã bán cho Lý C 01 bịch ma túy đá giá 200.000 đồng. Ngày 30/6/2016, Trung bán cho Lý C 01 bịch ma túy đá giá 200.000 đồng tại quán nước mía ở đường BT, Quận F. Riêng 02 bịch ma túy mà Công an thu giữ trong phòng của Trung là của Ngân mua lại của Th để sử dụng, còn cân điện tử là Ng mượn của Trịnh Tấn P để cho Nguyễn Thanh N cân ma túy bán cho người mua.

Tại Kết luận giám định số: 1358/KLGD-H ngày 30 tháng 8 năm 2016 và tại Văn bản số: 398/PC54-Đ6 ngày 25 tháng 10 năm 2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Trần T1 và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định

là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5931g (không thấy năm chín ba một gram), loại Methamphetamine.

Gói 2: Tinh thể không màu trong 03 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Hà Minh Th và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 21,7532g (hai một phẩy bảy năm ba hai gram), loại Methamphetamine.

Gói 3: Được niêm phong có chữ ký ghi tên Hà Minh Th và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định, bên trong gồm:

- Tinh thể không màu trong 03 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 3,3219g (ba phẩy ba hai một chín gram), loại Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng trong 01 gói nylon có trọng lượng 0,1340g (không thấy một ba bốn không gram) không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp.

Gói 4: Được niêm phong có chữ ký ghi tên Trịnh Thu Đ và hình dấu Công an Phường 6, Quận 6 gửi đến giám định, bên trong gồm:

- Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3861g (không thấy ba tám sáu một gram), loại Methamphetamine.

Gói 5: Tinh thể không màu trong 29 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Trịnh Thu Đ và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 6,0983g (sáu phẩy không chín tám ba gram), loại Methamphetamine.

Gói 6: Được niêm phong có chữ ký ghi tên Trịnh Thu Đ và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định, bên trong gồm:

- 04 viên nén tròn màu hồng trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4648g (không thấy bốn sáu bốn tám gram), loại Methamphetamine

Gói 7: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2636g (không thấy hai sáu ba sáu gram), loại Methamphetamine.

Gói 8: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong có chữ ký ghi tên Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng và hình dấu Công an Phường F, Quận F gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3958g (không thấy ba chín năm tám gram), loại Methamphetamine.

Theo Kết luận giám định số: 3861/C54B ngày 05 tháng 12 năm 2016, Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng cục cảnh sát đã kết luận:

Thảo mộc khô đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định có trọng lượng là 26,1277g (hai sáu phẩy một hai bảy bảy gram), có chứa thành phần AMB-FUBINACA, tên khoa học: Methyl 2-({1-[(4-fluorophenyl)methyl]-1H-indazole-3-carbonyl}-3-methylbutanoate hay còn gọi Cần sa tổng hợp.

AMB-FUBINACA là chất ma túy, hiện tại chưa được quản lý trong Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 và Nghị định sửa đổi, bổ sung 126/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ.

Đối với Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Trần T, Lý C, tuy có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an Quận 6 đã thông báo cho chính quyền địa phương nơi Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Trần T, Lý C cư trú xử lý theo quy định. Còn những người tên T2, Pg, N1, KH, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 35/CT-VKS ngày 10 tháng 3 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trịnh Thu Đ về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » và « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố bị cáo Hà Minh tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b, điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; truy tố các bị cáo Trịnh Tấn P, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Thu Đ khai nhận chính bị cáo vào tối ngày 30/6/2016, đã tổ chức cho Lâm Ngọc T, Trương Vĩ H, Nguyễn Tấn S, Bùi Thị Kim S, Hà Minh Th, Nguyễn Thành T, Trần Thị Thu S sử dụng ma túy đá và Cỏ Mỹ tại sảnh tầng 1 nhà số 743/54 đường HB, Phường F, Quận F và trong lúc mọi người đang sử dụng ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang như bản cáo trạng nêu. Còn 29 bịch ma túy đá mà Công an thu giữ trong phòng là của bị cáo mua để dành sử dụng;

Bị cáo Trịnh Tấn P xác nhận vào lúc 18 giờ ngày 30/6/2016, bị cáo có bán cho Nguyễn Tấn S 01 bịch ma túy đá giá 400.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn khai ngoài ngày bị bắt, trước đó bị cáo đã bán ma túy đá cho Nguyễn Tấn S tổng cộng 07 lần, mỗi lần đều là 01 bịch ma túy giá 400.000 đồng;

Các bị cáo Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, bị cáo Nguyễn Thanh N đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán ma túy tổng hợp và bị bắt quả tang như bản cáo trạng nêu. Về khoản tiền thu lợi từ hành vi mua bán ma túy, bị cáo Hà Minh Th khai thu lợi 4.000.000 đồng, bị cáo Hà Thuận Tr khai thu lợi 1.300.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng khai thu lợi 700.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh N khai thu lợi 800.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trịnh Thu Đ, cáo Trịnh Tấn P, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ

hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trịnh Thu Đ từ 07 năm đến 09 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » và từ 08 năm đến 10 năm tù về tội « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Trịnh Tấn P từ 07 năm đến 09 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Hà Minh Th từ 08 năm đến 10 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b, điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Hà Thuận Tr từ 07 năm đến 09 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng từ 07 năm đến 09 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Nguyễn Thanh Nam từ 07 năm đến 09 năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » theo điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt tiền mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Hà Minh Thanh nộp lại 4.000.000 đồng, buộc bị cáo Hà Thuận Tr nộp lại 1.300.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng nộp lại 700.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại 800.000 đồng, là tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe gắn máy biển số 51U1-2243, số khung RC110C-192275, số máy E107-ID192214 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Suzuki, số loại C110, sơn màu Đen, dung tích 109; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu trắng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu xanh đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, vỏ màu đen; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen và 2.500.000 đồng.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trần T1 và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Hà Minh Th và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 03 gói có chứa ma túy đã được niêm phong màu

trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trịnh Thu Đ và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Nguyễn Hoàng Kim Ng và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 cân điện tử; 01 cây giữ bằng kim loại ba khúc; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 01 bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 03 cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 02 bình nhựa có 02 nổ thủy tinh, 02 hộp quẹt; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 02 bình nhựa có gắn nổ thủy tinh; 01 bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 02 cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 sim điện thoại số 8401150950006793.

Trả lại bị cáo Trịnh Thu Đ 01 chiếc xe gắn máy biển số 51H4-2503, số khung RLGH125GD-6D005561, số máy VMM9BE-D-005561 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Attila, sơn màu Đen, dung tích 124) và số tiền 440.000 đồng.

Trả lại bị cáo Trịnh Tấn Ph 01 Chứng minh nhân dân số 024023276 mang tên Trịnh Tấn Phước và số tiền 6.000.000 đồng.

Trả lại bị cáo Hà Minh Th 01 Chứng minh nhân dân số 024406534 mang tên Hà Minh Thanh.

Trả lại bị cáo Hà Thuận Tr 600.000 đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thanh N 300.000 đồng.

Các vật chứng khác, Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N tại phiên tòa với lời khai của Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Trần T1, Lý C, của người làm chứng tại Cơ quan điều tra, với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Kết luận giám định cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Thu Đ đã phạm tội « Mua bán trái phép chất ma túy » và « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy », tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 và Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các bị cáo Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N đã phạm tội « Mua bán trái phép chất ma túy », tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Trịnh Thu Đ đã mua chất ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine), chuẩn bị công cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy (01 bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh, hộp quẹt) và sử dụng căn nhà thuộc quyền quản lý của bị cáo tại số 743/54 đường Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6 để tổ chức cho Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H sử dụng trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi, là phạm tội « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy » thuộc trường hợp phạm tội « Đối với nhiều người » theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Ngoài hành vi « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy », khi bắt giữ và khám xét nhà của bị cáo Trịnh Thu Đ, Cơ quan Công an còn phát hiện và thu giữ của bị cáo 29 bạch ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine (có khối lượng 6,5631 gam) và mặc dù tại phiên tòa, bị cáo khai cất giữ số ma túy này nhằm mục đích sử dụng, nhưng tại các Bản tự khai ngày 03/8/2016, ngày 20/9/2016; các Biên bản ghi lời khai và Biên bản hỏi cung bị can ngày 06/7/2016, ngày 14/9/2016, ngày 08/12/2016 của Công an Quận 6, bị cáo Trịnh Thu Đ khai cất giấu 29 bạch ma túy đá nhằm đem bán để thu lợi, nhưng chưa bán được cho ai và xét các lời khai này là phù hợp với lời khai của các bị cáo Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Thu Đ còn phạm thêm tội « Mua bán trái phép chất ma túy » thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Còn việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trịnh Thu Đ phạm tội « Mua bán trái phép chất ma túy » thuộc trường hợp: « Phạm tội nhiều lần » theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, nhưng không xác định bị cáo bán ma túy cho những ai, là thiếu căn cứ.

Bị cáo Trịnh Tấn P đã 08 lần bán chất ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) cho Nguyễn Tấn S. Các bị cáo Hà Minh Th, Hà Thuận Tr,

Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N đã mua bán chất ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) có khối lượng 0,7271 gam. Và việc mua bán ma túy của các bị cáo Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N đã diễn ra nhiều lần trong khoảng thời gian tương đối dài. Trong đó, bị cáo Hà Minh Th ngoài việc mua ma túy về phân ra bán, còn trực tiếp nghe điện thoại, hẹn địa điểm và bán ma túy cho các con nghiện. Còn các bị cáo Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Hà Minh Th trong việc bán ma túy, phân ma túy. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » thuộc trường hợp « Phạm tội nhiều lần » theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, khi bắt giữ và khám xét nhà của bị cáo Hà Minh Th, Cơ quan Công an còn phát hiện thu giữ của bị cáo Hà Minh Th 25,0751 gam ma túy ở thể rắn (loại Methamphetamine) và bị cáo khai cất giấu số ma túy này nhằm mục đích đem bán để thu lợi, nên bị cáo Hà Minh Th còn phạm tội mua bán trái phép chất ma túy thuộc trường quy định tại điểm m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N không những đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về việc trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an chung.

Các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N đều nhận thức rõ hành vi của các bị cáo là bị pháp luật nghiêm cấm và các bị cáo cũng thấy trước được tác hại của ma túy, tác hại của hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng do háo lợi, có lối sống buông thả và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

Bị cáo Trịnh Thu Đ ngày 25/8/2003, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội « Đánh bạc »; ngày 02/02/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội « Tổ chức đánh bạc ». Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 1498/HSST, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 04 năm tù. Còn bị cáo Hà Minh Th ngày 04/7/2008, bị Công an Phường 11, Quận 6 xử phạt 350.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 03/7/2008, bị Công an Quận 6 xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Mặc dù lần phạm tội này các bị cáo Trịnh Thu Đ, Hà Minh Th đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, các bị cáo Trịnh Thu Đ, Hà Minh Th vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N là rất nghiêm trọng, bởi ma túy nói chung và Methamphetamine nói riêng là chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo; Riêng các bị cáo Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N còn thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu. Các bị cáo Trịnh Tấn P, Nguyễn Thanh N đã tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm để bắt và xử lý kịp thời, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tương ứng khi lượng hình đối với vai trò của từng bị cáo theo quy định tại các điểm p, q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi mua bán, cất giữ thảo mộc khô (Cỏ Mỹ) của bị cáo Trịnh Thu Đ, qua giám định số thảo mộc khô thu giữ của bị cáo Trịnh Thu Đức là chất ma túy (AMB-FUBINACA hay còn gọi Cần sa tổng hợp), hiện không nằm trong Danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 và Nghị định sửa đổi, bổ sung 126/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý bị cáo về hành vi này. Cũng chính vì vậy mà Hội đồng xét xử không đủ căn cứ xác định bị cáo Trịnh Thu Đ phạm tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp: «Phạm tội nhiều lần» theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát đã truy tố. Bởi, theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trịnh Thu Đ tại phiên tòa thì Nguyễn Thành T, Bùi Thị Kim S có đến nhà bị cáo sử dụng ma túy 2, 3 lần, nhưng chủ yếu là sử dụng Cỏ Mỹ và lời khai này của bị cáo là phù hợp với lời khai của Nguyễn Thành T, Bùi Thị Kim S tại Cơ quan điều tra.

Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N theo quy định tại khoản 5 Điều 194 và khoản 5 Điều 197 của Bộ luật hình sự và buộc bị cáo Hà Minh Th nộp lại 4.000.000 đồng, buộc bị cáo Hà Thuận Tr nộp lại 1.300.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng nộp lại 700.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại 800.000 đồng, là tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Việc xử lý vật chứng: Phương tiện dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu trắng (thu giữ của Trịnh Thu Đ); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu xanh đen (thu giữ của Hà Minh

Th); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu vàng (thu giữ của Trịnh Tấn Ph); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia (thu giữ của Hà Thuận Tr); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, vỏ màu đen (thu giữ của Nguyễn Hoàng Kim Ng); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen (thu giữ của Nguyễn Thanh N), Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước cùng 2.500.000 đồng là tiền do các bị cáo Hà Minh Th, Nguyễn Thanh N phạm tội mà có theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 51U1-2243 mà bị cáo Hà Thuận Tr sử dụng làm phương tiện phạm tội, theo Kết luận giám định số: 13760/KLGĐ-X(Đ6) ngày 28/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu trả lời xác minh ngày 15/7/2016 của Công an Quận 6 thì chiếc xe này có số khung RC110C-192275, số máy E107-ID192214 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Suzuki, số loại C110, sơn màu Đen, dung tích 109), do bà Nguyễn Thị Thanh L, trú tại 285/23A3 đường CMTT, Phường L, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an Phường L, Quận J được biết bà L đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được. Ngày 20/10/2016, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Còn ông Hà Đức V (cha bị cáo Hà Thuận Tr khai mua lại chiếc xe này tại một cửa hàng mua bán xe gần chợ AD, Quận E (ông không xác định được địa chỉ), có Giấy đăng ký mô tô, xe máy và có làm Hợp đồng mua bán xe nhưng ông đã làm mất, nên ông không có giấy tờ gì để chứng minh chiếc xe là tài sản hợp pháp của ông. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 51U1-2243 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ.

Riêng 01 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trần T1 và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Hà Minh T và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 03 gói có chứa ma túy đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trịnh Thu Đ và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của

Nguyễn Hoàng Kim Ng và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 cân điện tử; 01 cây giữ bằng kim loại ba khúc; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 01 bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 03 cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 02 bình nhựa có 02 nổ thủy tinh, 02 hộp quẹt; 01 bộ sử dụng ma túy đá gồm: 02 bình nhựa có gắn nổ thủy tinh; 01 bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 02 cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 sim điện thoại số 8401150950006793, là vật cấm lưu hành, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 51H4-2503, số khung RLGH125GD-6D005561, số máy VMM9BE-D-005561 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Attila, sơn màu Đen, dung tích 124) và số tiền 440.000 đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Thu Đ; 01 Chứng minh nhân dân số 024023276 mang tên Trịnh Tấn P và số tiền 6.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Trịnh Tấn Phước; 01 Chứng minh nhân dân số 024406534 mang tên Hà Minh Th thu giữ của bị cáo Hà Minh Th; 600.000 đồng thu giữ của bị cáo Hà Thuận Tr; 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh N. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả những tài sản này lại cho các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N, vì đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, không phải là vật chứng trong vụ án. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 02/PNK ngày 05 tháng 02 năm 2017 của Công an Quận 6 - BL72, 73).

Đối với các tài sản (xe gắn máy, điện thoại, tiền) thu giữ của các bị cáo Nguyễn Thanh N, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th và của các ông, bà Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Cơ quan điều tra đã xử lý xong và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xử lý, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Trần T1, Lý C, tuy có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an Quận 6 đã thông báo cho chính quyền địa phương nơi Nguyễn Tấn S, Nguyễn Thành T, Lâm Ngọc T, Trần Thị Thu S, Bùi Thị Kim S, Trương Vĩ H, Trần T1, Lý C cư trú xử lý theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với những người tên T2, Ph, N1, K, Cơ quan điều tra không xác định được và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra làm rõ giải quyết sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Các bị cáo **Trịnh Thu Đ**, **Trịnh Tấn P**, **Hà Minh Th**, **Hà Thuận Tr**, **Nguyễn Hoàng Kim Ng**, **Nguyễn Thanh N** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Trịnh Thu Đ** (Đ nước đá) phạm tội: « Mua bán trái phép chất ma túy » và phạm tội: « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ».

- Tuyên bố các bị cáo **Trịnh Tấn P** (BN), **Hà Minh Th** (Nh), **Hà Thuận Tr** (Tn), **Nguyễn Hoàng Kim Ng**, **Nguyễn Thanh N** (Móc Bô) phạm tội: « Mua bán trái phép chất ma túy ».

- Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm b khoản 2 Điều 197; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Thu Đ** (Đ nước đá) 03 (ba) năm tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy » và 07 (bảy) năm tù về tội « Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Trịnh Tấn P** (BN) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.

- Căn cứ điểm b, điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Hà Minh Th** (Nh) 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Hà Thuận Tr** (Tn) 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng Kim Ng** 07 (bảy) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N** (Móc Bô) 07 (bảy) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2016.
- Căn cứ khoản 5 Điều 194 và khoản 5 Điều 197 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
Buộc bị cáo Trịnh Thu Đ nộp phạt 7.000.000 (bảy triệu) đồng.
- Căn cứ khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.
Buộc bị cáo Trịnh Tấn P nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.
Buộc bị cáo Hà Minh Th nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.
Buộc bị cáo Hà Thuận Tr nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.
Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.
- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng.
- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
Buộc bị cáo Hà Minh Th nộp lại 4.000.000 (bốn triệu) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.
Buộc bị cáo Hà Thuận Tr nộp lại 1.300.000 (một triệu ba trăm ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.
Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Kim Ng nộp lại 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.
Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N nộp lại 800.000 (tám trăm ngàn) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.
- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 51U1-2243, số khung RC110C-192275, số máy E107-ID192214 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Suzuki, số loại C110, sơn màu Đen, dung tích 109), nếu trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này. Còn nếu xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của chiếc xe này thì trả lại cho họ; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu trắng; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone, vỏ màu xanh đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, vỏ màu vàng; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, vỏ màu đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, vỏ màu đen và 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trần Thành và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 (hai) gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Hà Minh Th và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 03 (ba) gói có chứa ma túy đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Trịnh Thu Đức và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 (hai) gói có chứa ma túy tổng hợp đã được niêm phong màu trắng, bên ngoài có ghi vụ số 1358/2016, có chữ ký của Nguyễn Hoàng Kim Ng và giám định viên Trần Đình Hải, cán bộ điều tra Nguyễn Minh Tấn; 02 (hai) cân điện tử; 01 (một) cây giữ bằng kim loại ba khúc; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 01 (một) bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 03 (ba) cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 01 (một) bình thủy tinh có gắn ống hút màu đen, có nổ thủy tinh; 02 (hai) bình nhựa có 02 (hai) nổ thủy tinh, 02 (hai) hộp quẹt; 01 (một) bộ sử dụng ma túy đá gồm: 02 (hai) bình nhựa có gắn nổ thủy tinh; 01 (một) bộ dụng cụ phân chia ma túy gồm: 02 (hai) cây kéo bằng kim loại và một số bịch nylon có rãnh âm dương; 01 (một) sim điện thoại số 8401150950006793.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bị cáo Trịnh Thu Đ 01 (một) chiếc xe gắn máy biển số 51H4-2503, số khung RLGH125GD-6D005561, số máy VMM9BE-D-005561 (loại xe hai bánh, nhãn hiệu Attila, sơn màu Đen, dung tích 124) và 440.000 (bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Trịnh Tấn P 01 (một) Chứng minh nhân dân số 024023276 mang tên Trịnh Tấn Phước và 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Trả lại bị cáo Hà Minh Th 01 (một) Chứng minh nhân dân số 024406534 mang tên Hà Minh Thạnh.

Trả lại bị cáo Hà Thuận Tr 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thanh N 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trịnh Thu Đ, Trịnh Tấn P, Hà Minh Th, Hà Thuận Tr, Nguyễn Hoàng Kim Ng, Nguyễn Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên